

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ
tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006, Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về lập, thẩm định và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 106/TTr-SKHĐT ngày 06/7/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển công nghiệp của tỉnh nhằm góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn với tái cấu trúc ngành công nghiệp, đi đôi với đầu tư chiều sâu nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp tỉnh phát triển hiệu quả hơn và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện nâng cao chất lượng lao động và hướng tới phát triển bền vững.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ gắn với mục tiêu nội địa hoá sản phẩm công nghiệp của cả nước và từng bước đưa ngành công nghiệp hỗ trợ của tỉnh tham gia vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở chọn lọc một số lĩnh vực có thị trường và dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh, gắn với sự phân công lao động giữa các tỉnh khu vực đồng bằng sông Hồng và của cả nước.

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển hệ thống doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh, đồng thời tạo mối liên kết chặt chẽ các đơn vị sản xuất và các nhà sản xuất sản phẩm cuối cùng góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP của tỉnh.



- Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại theo hướng bảo vệ môi trường và theo lộ trình cụ thể, tránh phát triển ồ ạt nhằm từng bước tham gia thị trường rộng lớn do các hiệp định song phương và đa phương mang lại.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát:

Đến năm 2020, công nghiệp hỗ trợ sẽ trở thành ngành công nghiệp phát triển quan trọng, chủ yếu sản xuất và cung cấp các linh kiện, phụ tùng cho các ngành công nghiệp trong nước; đến năm 2025, công nghiệp hỗ trợ của tỉnh sẽ tham gia quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia lớn trên thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí: Đến năm 2020 giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 4.750 tỷ đồng (giá so sánh 2010), tăng gấp 1,9 lần so với năm 2015; năm 2025 đạt khoảng 10.650 tỷ đồng, tăng gấp 2,24 lần so với năm 2020.

- Công nghiệp hỗ trợ ngành thiết bị điện, điện tử: Đến năm 2020 giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 1.890 tỷ đồng (giá so sánh 2010), tăng gấp 5,08 lần so với năm 2015; năm 2025 đạt khoảng 8.460 tỷ đồng, tăng gấp 4,48 lần so với năm 2020.

- Công nghiệp hỗ trợ ngành dệt, may: Đến năm 2020 giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 7.220 tỷ đồng (giá so sánh 2010), tăng gấp 1,32 lần so với năm 2015; năm 2025 đạt khoảng 18.650 tỷ đồng, tăng gấp 2,58 lần so với năm 2020.

- Công nghiệp hỗ trợ ngành sứ vệ sinh: Đến năm 2020 giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 435 tỷ đồng (giá so sánh 2010), tăng gấp 1,93 lần so với năm 2015; năm 2025 đạt khoảng 1.060 tỷ đồng, tăng gấp 2,50 lần so với năm 2020.

III. Nội dung quy hoạch

1. Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy; cơ khí xây dựng; tiêu dùng; cơ khí chế tạo các máy công tác phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- Xác định công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chủ yếu phục vụ thị trường trong nước do vậy cần tăng cường liên kết vùng và tạo mọi điều kiện thuận lợi để sẵn sàng tham gia vào cụm ngành liên kết.

- Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí và hỗ trợ phát triển hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất phụ tùng, phụ kiện ngành cơ khí.

- Khuyến khích các dự án công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí đầu tư về các địa bàn nông thôn nhằm tạo việc làm, góp phần phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn các huyện.

2. Công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử - tin học

- Phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử - tin học chủ yếu tập trung vào sản xuất linh kiện điện tử, bảng mạch tích hợp, vi mạch điện tử và một số phụ kiện khác phục vụ thị trường lắp ráp trong nước và xuất khẩu.

- Tạo môi trường và điều kiện chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm sản xuất thông qua hợp tác sản xuất giữa các công ty, các tập đoàn sản xuất đa quốc gia với các doanh nghiệp sản xuất trong nước.

- Mở rộng và đẩy mạnh thị trường xuất khẩu đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành điện - điện tử. Xác định thị trường xuất khẩu là thị trường quan trọng đối với sự phát triển của ngành.

3. Công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày

- Lĩnh vực nguyên liệu tập trung vào sản xuất những sản phẩm có thị trường lớn và giá trị gia tăng cao như sợi, vải các loại và giả da.

- Lĩnh vực phụ kiện tập trung vào phục vụ cho ngành may là bông tấm và mex các loại.

- Đẩy mạnh việc thành lập và đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp ven biển để đáp ứng phát triển công nghiệp dệt hoàn tất sản phẩm.

4. Công nghiệp hỗ trợ ngành sứ vệ sinh

- Xác định giai đoạn từ nay đến 2025 thị trường chính cho ngành công nghiệp hỗ trợ lĩnh vực sản xuất các phụ kiện ngành sứ vệ sinh là thị trường trong nước, sau năm 2025 tham gia sâu hơn vào xuất khẩu.

- Hướng đầu tư các dự án công nghiệp hỗ trợ ngành sứ vệ sinh tại khu vực Tiền Hải để thuận tiện cho việc sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

- Đầu tư công nghệ tiên tiến, hướng tới sản xuất các dòng sản phẩm thông minh, hiện đại, mẫu mã đẹp và tăng tính năng tự động trong dòng sản phẩm cao cấp.

IV. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

1. Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí

STT	Tên dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Địa điểm đầu tư	Ghi chú
I	Giai đoạn 2016-2020:	1.650		
1	Sản xuất phụ tùng ô tô và thiết bị điện liên quan	650	KCN Cầu Ngին, CCN các huyện	
2	Sản xuất phụ tùng, phụ kiện hệ thống cung cấp nhiên liệu ô tô	450	KCN Cầu Ngին	
3	Sản xuất phụ tùng máy nông nghiệp, thiết bị đường thủy	300	KCN, CCN ven biển	Sản phẩm: linh kiện, phụ tùng (máy nông nghiệp, tàu thủy)
4	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa và chi tiết nhựa cho ô tô, xe máy	250	KCN Cầu Ngին hoặc CCN các huyện	linh kiện, phụ tùng, chi tiết nhựa
II	Giai đoạn 2021-2025	1.250		
5	Cơ khí chế tạo, sản xuất linh kiện, chi tiết động cơ	600	KCN, CCN ven biển	Linh kiện, phụ tùng và chi tiết động cơ (ô tô, tàu thủy)
6	Sản xuất linh kiện cơ khí cho sản xuất điện tử gia dụng, điện tử viễn thông	650	KCN TBS sông Trà	Phụ tùng, chi tiết

2. Công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử - tin học

STT	Tên dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Địa điểm đầu tư
I	Giai đoạn 2016-2020:	1.580	
1	Sản xuất linh kiện điện tử	500	KCN TBS Sông Trà
2	Sản xuất dây cáp điện, cáp viễn thông	300	KCN TBS Sông Trà
3	Sản xuất mạch in, thiết bị điện tử	580	KCN TBS Sông Trà
4	Sản xuất linh kiện nhựa và linh kiện cho lắp ráp điện tử	300	KCN TBS Sông Trà, KCN cầu Nghìn
II	Giai đoạn 2021-2025	22.000	
1	Sản xuất chip điện tử, IC, bo mạch điều khiển	10.000	KCN TBS Sông Trà
2	Sản xuất mạch tích hợp, bộ nhớ dung lượng cao và thiết bị lưu trữ	12.000	KCN TBS Sông Trà

3. Công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày

STT	Tên dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Địa điểm đầu tư	Ghi chú
I	Giai đoạn 2016-2020:	1.350		
1	03 nhà máy sợi	1.080	KCN, CCN các huyện	Công suất mỗi nhà máy 5 vạn cọc, khoảng 6.000 tấn/năm
2	Sản xuất bông tấm	90	KCN, CCN các huyện	Công suất 20 triệu m ² /năm
3	Sản xuất mex (mex vải, mex giấy, mex dụng)	180	KCN, CCN các huyện	Công suất: 20 triệu m ² /năm mex nền vải dệt và 15 triệu m ² /năm mex xốp
II	Giai đoạn 2021-2025	3.050		
4	5 nhà máy sợi	1.500	KCN ven biển, CCN các huyện	Công suất mỗi nhà máy 9 vạn cọc, khoảng 10.000 tấn/năm
5	Nhà máy dệt nhuộm vải dệt thoi	950	KCN ven biển	Công suất 10 triệu mét/năm
6	Nhà máy dệt nhuộm vải dệt kim	350	KCN ven biển	Công suất 3.000 tấn/năm
7	Dự án tẩy, nhuộm, in bông làm nguyên liệu đầu vào cho ngành may	100	KCN, CCN ven biển	
8	Dự án sản xuất vải giả da tráng PU	150	KCN ven biển, CCN các huyện	Công suất 10 triệu m ²

4. Công nghiệp hỗ trợ ngành sứ vệ sinh

STT	Tên dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Địa điểm đầu tư	Ghi chú
I	Giai đoạn 2016-2020	180		
1	2 nhà máy sản xuất phụ kiện sứ vệ sinh	180	KCN Tiên Hải	Công suất mỗi nhà máy 50.000 SP /tháng
II	Giai đoạn 2021-2025	400		
2	2 nhà máy sản xuất phụ kiện sứ vệ sinh	400	KCN Tiên Hải	Công suất mỗi nhà máy 100.000 SP/tháng

V. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Nhóm giải pháp đồng bộ:

- Giải pháp về đầu tư: Tiếp tục đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, có trọng điểm đến năm 2020, trực tiếp tổ chức xúc tiến, kêu gọi đầu tư đến các Tập đoàn, Tổng Công ty lớn trong nước, các doanh nghiệp sản xuất nằm trong danh sách VNR 500 của Việt Nam, đặc biệt là các Tập đoàn đa quốc gia của các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, các nước trong khối TPP... vào đầu tư tại Thái Bình.

- Giải pháp xây dựng và phát triển thị trường: Đẩy mạnh liên kết giữa thị trường Thái Bình với thị trường các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng đặc biệt là các địa phương như Hải Phòng, Bắc Ninh, Hà Nội, Vĩnh Phúc nơi có lĩnh vực sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị và sản xuất các sản phẩm điện tử phát triển mạnh. Phát triển Trung tâm thương mại điện tử của tỉnh, tranh thủ sự giúp đỡ của các Thương vụ của Việt Nam ở nước ngoài, có biện pháp thiết thực nhằm hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư nước ngoài, nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, tiếp thị và quảng bá các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Giải pháp về khoa học và công nghệ: Đổi mới công tác quản lý khoa học công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường và yêu cầu hội nhập quốc tế. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước về khoa học công nghệ ở tỉnh theo hướng linh hoạt và hiệu quả. Thực hiện cơ chế liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức khoa học công nghệ và các doanh nghiệp. Ưu đãi cao cho các doanh nghiệp FDI có các dự án chuyên giao công nghệ và có cam kết tài trợ cho một số các doanh nghiệp trong tỉnh phát triển công nghiệp hỗ trợ. Khuyến khích chuyên giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Hỗ trợ việc tổ chức các hoạt động tư vấn và một phần chi phí tư vấn về thiết kế sản phẩm, đổi mới công nghệ, mua hoặc cải tiến thiết bị, công nghệ.

- Giải pháp phát triển các khu, cụm công nghiệp chuyên ngành: Hình thành các khu công nghiệp hỗ trợ để thu hút đầu tư theo hướng ưu tiên các dự án sản xuất các sản phẩm hỗ trợ cho các ngành công nghệ cao, các dự án sản xuất thân thiện môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, sản phẩm xuất khẩu, đồng thời với việc tạo lập thương hiệu sản phẩm công nghiệp. Nghiên cứu, thí điểm đầu tư phát triển một số cụm công nghiệp hỗ trợ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có mặt bằng sạch đầu tư với chi phí hợp lý.

- Giải pháp về hợp tác và phối hợp phát triển: Đa dạng hóa trong hợp tác, liên doanh liên kết với các nhà đầu tư nước ngoài để cung cấp các linh kiện, sản phẩm

hỗ trợ, coi trọng liên doanh liên kết dưới dạng đối tác chiến lược, doanh nghiệp vệ tinh, chuyên nhượng bản quyền, thương hiệu. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ nâng cao khả năng cạnh tranh trong sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ để từng bước tham gia vào chuỗi liên kết theo chiều dọc. Khuyến khích liên kết hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong nước và các tập đoàn đa quốc gia nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao trình độ quản lý và phát triển năng lực công nghệ.

- Giải pháp bảo vệ môi trường: Ban hành quy định xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất nội bộ trước khi thải vào khu xử lý nước thải chung của khu công nghiệp để xử lý đạt tiêu chuẩn, lắp đặt thiết bị, giảm thiểu nồng độ khí độc và tiếng ồn, thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn để tái chế hoặc xử lý theo quy định. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường đối với các dự án công nghiệp hỗ trợ, thực hiện tốt công tác thẩm định công nghệ, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án công nghiệp hỗ trợ. Xử lý nghiêm các dự án vi phạm.

- Giải pháp quản lý: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với phát triển sản xuất công nghiệp hỗ trợ. Nâng cao vị trí của các cơ quan quản lý Nhà nước, thực hiện cải cách hành chính theo hướng: Các cơ quan quản lý Nhà nước hướng mạnh về doanh nghiệp, vì doanh nghiệp, tập trung giải quyết tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo lập môi trường bình đẳng, thông thoáng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Nhóm giải pháp mang tính đột phá

- Cải cách hành chính, tạo điều kiện thông thoáng cho đầu tư: Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực đầu tư, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, hết hiệu lực hoặc trái quy định. Hiện đại hóa hành chính Nhà nước, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý gắn với xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức viên chức. Tăng cường chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính bằng việc tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra công vụ, thu thập ý kiến, xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh.

- Đẩy nhanh tiến độ phát triển cơ sở hạ tầng: Đẩy nhanh đầu tư khu công nghiệp ven biển đặc biệt là các khu thuộc huyện Thái Thụy và Tiền Hải. Đây là những khu kỳ vọng phát triển trong giai đoạn tới của ngành dệt may, ngành cơ khí chế tạo (đóng tàu, máy móc phục vụ nông nghiệp) và ngành điện tử - tin học - viễn thông.

- Phát triển nguồn nhân lực: Hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động sát với thực tiễn; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới và công nghệ thông tin trong đào tạo tại các cơ sở đào tạo của tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ các chương trình, kế hoạch đào tạo phù hợp, gắn với nhu cầu thực tế; các chương trình đào tạo theo hình thức đặt hàng, đào tạo theo địa chỉ giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch.

1. **Sở Công Thương:** Tổ chức công bố quy hoạch sau khi được phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch; kiểm tra, giám sát quy hoạch và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình phát triển công nghiệp hỗ trợ và tình hình thực hiện quy hoạch. Chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành và cơ quan hữu quan rà soát và đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh: Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ; xây dựng và sửa đổi các

chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, khảo sát mở rộng thị trường trong và ngoài nước cho sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương lập danh mục dự án kêu gọi đầu tư và chủ động đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch triển khai công tác xúc tiến, thu hút các nguồn vốn cho chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của địa phương. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư cho lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; xây dựng các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn để triển khai thực hiện và các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành cân đối nguồn vốn ngân sách hàng năm cho chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ. Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp có biện pháp huy động nguồn lực cho phát triển công nghiệp hỗ trợ. Phối hợp với Cục Thuế, Ngân hàng, Hải quan và các ngành liên quan thực hiện cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đầu tư tạo điều kiện phát triển công nghiệp hỗ trợ.

4. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; nhà ở gắn với hạ tầng xã hội cho người lao động tại các khu, cụm công nghiệp. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hoàn thiện quy hoạch chi tiết các khu, cụm công nghiệp kết nối đồng bộ với cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào và liên kết vùng. Thẩm định quy hoạch chi tiết các khu, cụm công nghiệp và tham gia giám sát việc triển khai các quy hoạch chi tiết xây dựng khu, cụm công nghiệp.

5. Sở Giao thông Vận tải: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển hệ thống giao thông kết nối với các khu, cụm công nghiệp; lập kế hoạch và thực hiện nâng cấp các tuyến giao thông tới các khu, cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch của từng thời kỳ.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Công Thương chuẩn bị quỹ đất cho nhu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ; phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng mạng lưới quan trắc và theo dõi tình hình môi trường tại các khu, cụm công nghiệp. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá tác động môi trường, tổ chức kiểm tra, kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm môi trường tại các dự án đầu tư sản xuất công nghiệp hỗ trợ.

7. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực qua đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cho sản xuất công nghiệp hỗ trợ trong từng thời kỳ, phối hợp với các sở, ngành liên quan lập kế hoạch đào tạo, trong đó tập trung vào đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho ngành công nghiệp hỗ trợ; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc xã hội hóa về giáo dục nghề nghiệp; phát triển tốt việc hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp.

8. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương rà soát, đánh giá thực trạng trình độ công nghệ, máy móc thiết bị của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn. Xây dựng lộ trình thực hiện đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, nhất là đối với những cơ sở sản xuất sử dụng thiết bị lạc hậu gây ô nhiễm môi trường và tiêu hao nhiều năng lượng. Kiện toàn tổ chức Quỹ phát triển khoa học

công nghệ ở địa phương như: Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ thông qua các hình thức cho vay ưu đãi; hỗ trợ một phần kinh phí đổi mới công nghệ; tiếp tục triển khai đề án nâng suất chất lượng đối với doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng cường hội nhập phát triển.

9. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Công Thương tuyên truyền, phổ biến nội dung quy hoạch; xây dựng kế hoạch giúp các doanh nghiệp nâng cấp cơ sở hạ tầng mạng lưới thông tin; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ nhằm hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

10. Ban Quản lý các khu công nghiệp: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ vào khu công nghiệp, tổ chức việc quản lý các hoạt động đầu tư trực tiếp trên địa bàn theo quy định hiện hành. Xem xét, đánh giá tiến độ đầu tư của các dự án, bao gồm cả các dự án xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp để đề xuất giải pháp xử lý một cách kịp thời đối với những dự án chậm tiến độ hoặc không đủ điều kiện đầu tư.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Phối hợp với Sở Công Thương và cơ quan liên quan kiểm tra giám sát việc thực hiện quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ; chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ theo phân cấp quản lý. Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để giúp các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, đồng thời thường xuyên phối hợp với các sở, ngành có liên quan nắm bắt tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn. Phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc quản lý, bảo vệ môi trường và bảo đảm công tác an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội cho các nhà đầu tư.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CTXDGT, TH. *MV*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên
Nguyễn Hồng Diên